



DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 09.2023/QĐ-VPCNCL ngày 09 tháng 01 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm truyền dẫn quang**

Laboratory: **Optical Transmission Testing Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Công ty cổ phần cáp quang Việt Nam VINA-OFC**

Organization: **VietNam Optical Fiber Cable Joint Stock Company VINA-OFC J.S.C**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Điện - Điện tử**

Field of testing: **Electrical - Electronic**

Người quản lý: **Đồng Thị Hoàn**

Laboratory manager:

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Đồng Thị Hoàn	Các phép thử nghiệm được công nhận/ Accredited tests
2.	Nguyễn Tiến Dũng	

Số hiệu/ Code: **VILAS 285**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **05/02/2026**

Địa chỉ/Address: **Đốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội**

Doc Van, Yen Vien commune, Gia Lam district, Ha Noi city

Địa điểm/Location: **1. Đốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội**

2. Số 12, đường 15, Khu Công nghiệp VSIP, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

1. Doc Van, Yen Vien commune, Gia Lam district, Ha Noi city

2. No. 12, Road 15, VSIP Industry Park, Tu Son city, Bac Ninh province

Điện thoại/ Tel: **024-38780066**

Fax: **024-38780063**

E-mail: **hoandt@vina-ofc.com.vn**

Website: **www.vina-ofc.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 285****Địa điểm 1. Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội***Location 1. Doc Van, Yen Vien commune, Gia Lam district, Ha Noi city***Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử***Field of testing: Electrical - Electronic*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Cáp sợi quang <i>Optical fibre cables</i>	Hệ số suy hao quang. Phương pháp đo theo kỹ thuật tán xạ ngược <i>Optical attenuation coefficient. The backscattering technique test method</i>	-	IEC 60793-1-40-C:2019 ITU-T G650.1 (6.4.2):2018
2.		Tính liên tục quang. Phương pháp đo theo kỹ thuật tán xạ ngược <i>Optical continuity. The backscattering technique test method</i>	-	
3.		Chiều dài sợi quang. Phương pháp đo theo kỹ thuật tán xạ ngược <i>Optical fibre length. The backscattering technique test method</i>	-	
4.		Điểm suy hao tăng đột biến. Phương pháp đo theo kỹ thuật tán xạ ngược <i>Optical fibre physical discontinuities. The backscattering technique test method</i>	-	
5.		Thử khả năng chịu kéo căng <i>Tensile performance test</i>	-	IEC 60794-1-21 E1:2015
6.		Thử khả năng chịu mài mòn <i>Abrasion test</i>	-	IEC 60794-1-21 E2:2015
7.		Thử khả năng chịu nén <i>Crush test</i>	-	IEC 60794-1-21 E3:2015

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 285**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
8.	Cáp sợi quang <i>Optical fibre cables</i>	Thử khả năng chịu va đập <i>Impact test</i>	-	IEC 60794-1-21 E4:2015
9.		Thử khả năng chịu uốn lặp lại <i>Repeated bending test</i>	-	IEC 60794-1-21 E6:2015
10.		Thử khả năng chịu xoắn <i>Torsion test</i>	-	IEC 60794-1-21 E7:2015
11.		Chảy hợp chất điện dây <i>Compound flow (drip) test</i>	-	IEC 60794-1-21 E14:2015
12.		Thử khả năng chịu uốn cong <i>Bending test</i>	-	IEC 60794-1-21 E11:2015
13.		Thử khả năng chịu nhiệt độ biến đổi chu kỳ <i>Temperature cycling test</i>	-	IEC 60794-1-22 F1:2017
14.		Thử khả năng chịu thấm nước <i>Water penetration test</i>	-	IEC 60794-1-22 F5:2017

DANH MỤC PHÉP THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 285****Địa điểm 2. Số 12, đường 15, Khu Công nghiệp VSIP, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh***Location 2. No. 12, Road 15, VSIP Industry Park, Tu Son city, Bac Ninh province***Lĩnh vực thử nghiệm: Điện - Điện tử***Field of testing: Electrical - Electronic*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Cáp sợi quang <i>Optical fibre cables</i>	Đo bước sóng cắt <i>Measurement of cut-off wavelength</i>	-	IEC 60793-1-44:2011
2.		Đo hệ số tán sắc (CD) <i>Measurement of chromatic dispersion</i>	-	IEC 60793-1-42:2013
3.		Đo độ dốc tán sắc tại điểm 0 <i>Measurement of zero dispersion slope</i>	-	IEC 60793-1-42:2013
4.		Đo bước sóng tán sắc bằng 0 <i>Measurement of zero dispersion wavelength</i>	-	IEC 60793-1-42:2013
5.		Đo tán sắc Mode phân cực (PMD) Phương pháp A <i>Measurement of polarization mode dispersion Method A</i>	-	IEC 60793-1-48:2017
6.		Đo đường kính trường Mode Phương pháp B – Khẩu độ biến đổi trong trường xa <i>Measurement of mode field diameter Method B – Variable aperture in the far field</i>	-	IEC 60793-1-45:2017
7.		Đo đường kính lớp vỏ phản xạ <i>Measurement of cladding diameter</i>	-	IEC 60793-1-20:2014

Ghi chú / Notes:**- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế/ International Electrotechnical Commission****- ITU: Liên minh viễn thông Quốc tế / International Telecommunication Union**